

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST

Ngày 14 tháng 5 năm 2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Oanh.
2. Ông Nguyễn Văn Kiểm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vịnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 04 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST – HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa:

+ Nguyên đơn: Anh Vũ Đình T, sinh năm: 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Buôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bị đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm: 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Buôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 01 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Vũ Đình T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị X xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 10 năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Sau khi về chung sống với nhau thì vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do cuộc sống quá khó khăn, nghèo khổ nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm danh dự nhân phẩm lẫn nhau. Do mâu thuẫn nên chị X đã bỏ nhà đi từ tháng 9 năm 2014 mà không rõ tung tích, mặc dù anh T cùng gia đình đã sử dụng mọi biện pháp để tìm kiếm nhưng vẫn không biết chị Nguyễn Thị X ở đâu, còn sống hay đã chết. Vậy nên năm 2018 anh T đã yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự tuyên bố một người mất tích và đã được Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc giải quyết tuyên bố chị Nguyễn Thị X mất tích theo Quyết định tuyên bố một người mất tích số 09/2018/QĐDS-ST ngày 23 tháng 08 năm 2018. Nguyên vọng của anh T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị X.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Vũ Thị T, sinh ngày 03/04/2003.

Từ ngày chị X bỏ đi đã dẫn theo cháu T hiện nay anh T cũng không biết cháu Tiên đang ở đâu nên anh sẽ để cháu Tiên tiếp tục ở với mẹ.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Vũ Đình T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Nguyễn Thị X, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã tiến hành xác minh, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng đương sự vẫn không đến Tòa nên không có lời khai của đương sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Vũ Đình T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Về hôn nhân xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị X; Về con chung anh có nguyện vọng là giao cháu Vũ Thị Tiên, sinh ngày 03/04/2003 cho chị X chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi và anh không cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện nay anh không biết mẹ con chị X đang ở đâu. Về tài sản chung, công nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị X đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các quyết định tố tụng và giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là vi phạm các quy định tại Điều 70, 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b, khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Vũ Đình T và chị Nguyễn Thị X; Về con chung: Giao cháu Vũ Thị T, sinh ngày 03/04/2003 cho chị X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi

con chung: Anh Vũ Đình T không có yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của anh Vũ Đình T, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”, do chị Nguyễn Thị X có hộ khẩu thường trú tại Buôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Chị Nguyễn Thị X đã được Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập đến phiên tòa để xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị X.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Đình T xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị X, HĐXX nhận định: Anh Vũ Đình T và chị Nguyễn Thị X chung sống như vợ chồng từ tháng 10 năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Như vậy việc anh T và chị X chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm luật hôn nhân và gia đình. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “ Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b, khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình để không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Vũ Đình T và chị Nguyễn Thị X là phù hợp.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống anh T và chị Nguyễn Thị X có 01 con chung là cháu Vũ Thị T, sinh ngày 03/04/2003. Tại phiên tòa hôm nay anh T đồng ý giao cháu T cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng Hội đồng xét xử xét thấy việc anh T đồng ý giao con cho chị X nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện. Mặt khác từ năm 2014 đến nay cháu T do chị X chăm sóc và nuôi dưỡng. Vì vậy, HĐXX áp dụng Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Giao cháu Vũ Thị T, sinh ngày 03/4/3003 cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung nuôi con chung: Tại phiên tòa hôm nay anh Vũ Đình T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Trong trường hợp sau này khi chị X trở về và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tại phiên tòa hôm nay anh Vũ Đình T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Vũ Đình T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp nên HĐXX chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 266 BLTTDS;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào điểm b, khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Vũ Đình T và chị Nguyễn Thị X.

- Về con chung: Giao con chung cháu Vũ Thị T, sinh ngày 03/04/2003 cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Tiên đủ 18 tuổi.

Anh Vũ Đình T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vũ Đình T không có yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết. Trong trường hợp sau này khi chị X trở về và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Vũ Đình T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Anh Vũ Đình T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Krông

Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017/0009691 ngày 11 tháng 01 năm 2019.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện Krông Pắc;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã E;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thu Hiền